

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

HSĐT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
1	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật thi công	35	26,25
1.1	Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật tư, vật liệu đưa vào sử dụng cho gói thầu	5	5
-	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây: a) Có bảng kê danh mục vật tư, vật liệu dự kiến sử dụng cho gói thầu, được lập theo đúng biểu mẫu quy định tại Chương V của E-HSMT. Bảng kê phải thể hiện đầy đủ các thông tin: thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy chuẩn áp dụng, xuất xứ, mã hiệu, ký hiệu, nhãn hiệu cụ thể cho từng chủng loại vật tư, vật liệu đã được nhà sản xuất công bố. Danh mục này phải được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng hồ sơ thiết kế và nội dung công việc mời thầu. b) Đối với các loại vật tư, vật liệu có nhiều lựa chọn về mã hiệu hoặc chủng loại theo catalogue của nhà sản xuất, Nhà thầu bắt buộc phải xác định rõ ký hiệu/mã hiệu cụ thể được đề xuất. Việc chỉ mô tả chung nhóm vật tư, vật liệu mà không xác định rõ mã hiệu sẽ bị coi là không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. c) Danh mục vật tư, vật liệu đề xuất phải đầy đủ theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế và nội dung công việc của gói thầu. d) Tất cả các vật tư, vật liệu đề xuất phải có tài liệu chứng minh đi kèm, bao gồm nhưng không giới hạn: catalogue, chứng chỉ chất lượng, chứng nhận hợp chuẩn hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất. Trường hợp vật tư, vật liệu, có nguồn gốc khai thác tự nhiên (như cát, đá xây dựng, đá ốp lát tự nhiên,...) thì không bắt buộc phải cung cấp catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất, nhưng phải nêu rõ nguồn gốc khai thác và bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng trong hồ sơ thiết kế. e) Nhà thầu phải có cam kết bằng văn bản về việc toàn bộ vật tư, vật liệu đưa vào sử dụng trong gói thầu sẽ đảm bảo chất lượng, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tuân thủ thiết kế được phê duyệt.	5	
-	E-HSDT được coi là không đáp ứng yêu cầu của E-	0	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	HSMT (0 điểm) nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a) Có từ 01 loại vật tư, vật liệu trở lên không đáp ứng yêu cầu về chất lượng thiết kế hoặc có tính năng, thông số kỹ thuật không phù hợp với hồ sơ thiết kế, kể cả trong trường hợp đã được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ hoặc bổ sung theo quy định của pháp luật về đấu thầu; b) Không có bảng kê danh mục vật tư, vật liệu theo biểu mẫu quy định tại Chương V của E-HSMT; hoặc có bảng kê nhưng thiếu một hoặc nhiều thông tin bắt buộc, bao gồm: thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn/quy chuẩn áp dụng, xuất xứ, mã hiệu, ký hiệu, nhãn hiệu; hoặc bảng kê được lập sơ sài, không căn cứ trên hồ sơ thiết kế và nội dung công việc mời thầu; c) Không xác định rõ mã hiệu hoặc ký hiệu cụ thể đối với các vật tư, vật liệu có nhiều lựa chọn theo catalogue của nhà sản xuất; hoặc chỉ mô tả chung chung theo nhóm vật tư, vật liệu mà không có thông tin chi tiết để làm cơ sở kiểm tra, đối chiếu với yêu cầu kỹ thuật trong hồ sơ thiết kế; d) Danh mục vật tư, vật liệu đề xuất không đầy đủ, thiếu các chủng loại vật tư, vật liệu chính theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế và nội dung công việc của gói thầu; e) Không có tài liệu chứng minh đi kèm cho các vật tư, vật liệu được đề xuất (trừ trường hợp vật tư, vật liệu có nguồn gốc khai thác tự nhiên như cát, đá xây dựng, đá ốp lát tự nhiên...); hoặc có nhưng tài liệu thiếu các nội dung cơ bản như: thông số kỹ thuật, chứng chỉ chất lượng, tài liệu xác định nguồn gốc xuất xứ. Trường hợp tài liệu không chứng minh được tính phù hợp kỹ thuật của vật tư, vật liệu với yêu cầu của hồ sơ thiết kế thì được coi là không đủ điều kiện đánh giá; f) Nhà thầu không có cam kết bằng văn bản về việc toàn bộ vật tư, vật liệu đưa vào sử dụng trong gói thầu sẽ đảm bảo chất lượng, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tuân thủ thiết kế được phê duyệt.		
1.2	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật	30	22,5
-	Thi công phần xây dựng gồm: phá dỡ các công trình hiện trạng; thi công sân vườn, đường dạo, cây xanh	15	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	<i>thảm cỏ, chòi nghỉ và các hạng mục xây dựng theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt</i>		
-	<i>Thi công phần hệ thống điện, chiếu sáng, cấp thoát nước</i>	10	
-	<i>Cung cấp và lắp đặt thiết bị thể dục thể thao, vui chơi trẻ em</i>	5	
2	Biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công	10	7,5
2.1	Tổ chức mặt bằng công trường cho từng địa điểm thi công	5	
2.2	Kế hoạch huy động nhân lực, máy móc, thiết bị	3	
2.3	Biện pháp tổ chức thi công theo giai đoạn, khu vực thi công	2	
3	Cách thức quản lý dự án	10	7,5
3.1	Tổ chức quản lý dự án cho toàn thể công trình	3	
3.2	Tổ chức quản lý hiện trường	7	
4	Tiến độ thực hiện gói thầu	10	7,5
4.1	Nội dung của hồ sơ về tiến độ thực hiện gói thầu	3	
4.2	Tính hợp lý và khả thi của bảng tiến độ thực hiện gói thầu	7	
5	Biện pháp bảo đảm chất lượng	10	7,5
5.1	Hệ thống quản lý chất lượng	3	
5.2	Biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công tại từng địa điểm	7	
6	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động	10	7,5
6.1	Biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường của nhà thầu tại công trường trong quá trình thi công: Có bản vẽ, thuyết minh biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường của nhà thầu tại công trường trong quá trình thi công đầy đủ, rõ ràng, khả thi về các nội dung: - Tiếng ồn; - Khói bụi; - Rung chấn; - Kiểm soát rác thải, phế thải từ máy móc thiết bị thi công và các công việc thi công trên công trường.	2	
6.2	Phòng cháy và chữa cháy:	2	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	- Trình bày các Quy định, quy phạm, tiêu chuẩn áp dụng; - Lập các giải pháp phòng cháy chữa cháy, thực hiện các yêu cầu phòng cháy chữa cháy cho các công trình/hạng mục công trình đang thi công và các công trình phụ trợ theo pháp luật về phòng cháy chữa cháy hiện hành trong suốt quá trình xây dựng, đảm bảo khả năng thoát nạn an toàn và cứu người, cũng như bảo vệ tài sản khi xảy ra cháy trong công trình đang xây dựng và trên công trường; - Lập sơ đồ danh sách các bộ phận cá nhân của nhà thầu chịu trách nhiệm quản lý để phòng cháy, chữa cháy; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể này trong đảm bảo phòng cháy, chữa cháy.		
6.3	An toàn lao động, an toàn giao thông tại khu vực thi công: - Trình bày các Quy định, quy phạm, tiêu chuẩn áp dụng; - Chính sách về quản lý an toàn lao động, đảm bảo an toàn giao thông trong thời gian thi công xây dựng công trình; - Sơ đồ tổ chức của bộ phận quản lý an toàn lao động, đảm bảo an toàn giao thông; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan. Quy định về trang bị, cung cấp, quản lý và sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân - Kế hoạch tổ chức huấn luyện về an toàn lao động cho cán bộ, công nhân khi tham gia thi công công trình; - Các biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công việc cụ thể trên công trường, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông tại các vị trí thi công tiếp giáp trực tiếp với đường giao thông; - Quy trình ứng phó với tình huống khẩn cấp.	2	
6.4	Đảm bảo điều kiện ban đầu về nơi đổ phế thải: - <i>Phế thải phải được vận chuyển và tập kết đúng nơi quy định, đảm bảo an toàn vệ sinh. Có thỏa thuận hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ chức năng và tư cách pháp nhân để thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng đổ đúng nơi quy định của Thành phố Hà Nội</i>	4	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	<i>theo quy định tại Quyết định số 68/2025/QĐ-UBND ngày 08/11/2025 của UBND thành phố Hà Nội.</i> <i>- Đơn vị thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực, tư cách pháp nhân để thực hiện thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng. Bãi tiếp nhận và xử lý chất rắn xây dựng phải được chấp thuận của các đơn vị chức năng (đính kèm tài liệu chứng minh kèm theo E-HSDT).</i> <i>(không đáp ứng điều kiện nêu trên thì được 0 điểm).</i>		
7	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành công trình	10	7,5
7.1	Thời gian bảo hành	3	
-	<i>Thời gian bảo hành công trình ≥ 12 tháng</i>	3	3
-	<i>Thời gian bảo hành công trình < 12 tháng</i>	0	
7.2	Quy trình bảo hành, bảo trì: Nhà thầu phải đưa vào trong HSDT quy trình bảo hành công trình xây dựng. Quy trình bảo hành phải thể hiện đầy đủ các nội dung dưới đây (nhưng không giới hạn, tùy theo khả năng của nhà thầu): - Thuyết minh chi tiết, đầy đủ quy trình bảo hành công trình xây dựng. - Địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ e-mail liên hệ để Chủ đầu tư thông báo các hư hỏng công trình. - Thời gian trả lời bằng văn bản, fax, địa chỉ e-mail cho Chủ đầu tư về việc cử cán bộ có trách nhiệm đến để khảo sát, đánh giá hư hỏng không quá 24h kể từ thời điểm nhận được thông báo của chủ đầu tư bằng văn bản hoặc fax.	7	
-	<i>Thuyết minh đầy đủ, hợp lý, khả thi; đúng quy trình, quy phạm và yêu cầu kỹ thuật của công trình, thể hiện chi tiết các bước tiến hành, công việc bảo hành. Có đầy đủ thông tin liên hệ, cam kết về thời gian cử cán bộ để kiểm tra đánh giá hư hỏng theo yêu cầu nêu trên</i>	7	
-	<i>Có đầy đủ thông tin liên hệ, cam kết về thời gian cử cán bộ để kiểm tra đánh giá hư hỏng theo yêu cầu nêu trên, có thuyết minh đầy đủ quy trình bảo hành công trình, hệ thống thiết bị nhưng chưa chi tiết</i>	5	
-	<i>Có thuyết minh nhưng không đầy đủ nội dung về bảo hành công trình hoặc không có đầy đủ thông tin liên</i>	3,5	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	<i>hệ, không có cam kết về thời gian cử cán bộ để kiểm tra đánh giá hư hỏng theo yêu cầu nêu trên</i>		
-	<i>Không trình bày quy trình bảo hành hoặc có trình bày nhưng không phù hợp với đặc điểm, tính chất công trình hoặc không tuân thủ các quy trình, quy phạm hiện hành</i>	0	
8	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp.	5	
-	Nhà thầu đáp ứng đầy đủ các nội dung sau: - Nhà thầu không có tên trong danh sách tổ chức vi phạm được công bố trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia. - Nhà thầu không có hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận là vi phạm các quy định của hợp đồng hoặc bị Chủ đầu tư chấp dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu. - Nhà thầu không có lịch sử đã từng thuộc một trong các trường hợp sau: + Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu; + Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; + Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; + Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. + Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;	5	

Stt	Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
		Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
	+ Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu; + Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn; + Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu xây lắp, PC, phần xây lắp trong gói thầu EC theo cam kết trong đơn dự thầu đối với đấu thầu trong nước.		
-	Nhà thầu không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trên	0	
	Tổng cộng	100	75

Mức điểm yêu cầu tối thiểu là **75 điểm**. HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Bảng xác định hệ số đánh giá:

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
1. Về hình thức: Hồ sơ phải được trình bày rõ ràng, mạch lạc, dễ đánh giá, dễ theo dõi; có mục lục chi tiết, đánh số đầy đủ; các nội dung thể hiện mối liên hệ chặt chẽ và có tham chiếu rõ ràng đến mục lục để thuận tiện tra cứu, kiểm tra. Nội dung trình bày nhất quán, tránh lặp lại hoặc sử dụng ngôn ngữ mơ hồ. Hồ sơ phải bảo đảm tính thống nhất về ký hiệu, thuật ngữ; có danh mục bản vẽ và thể hiện tham chiếu trực tiếp giữa thuyết minh với bản vẽ, phụ lục (nếu có) nhằm bảo đảm thuận tiện cho việc kiểm chứng và đối chiếu. 2. Về nội dung:	1,0

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
a) Giải pháp kỹ thuật được đánh giá là phù hợp về tổng thể, có tính khả thi cao, tuân thủ đúng trình tự thi công, phù hợp với đặc điểm hiện trạng tại địa điểm thi công; đảm bảo tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành; b) Có bản vẽ và thuyết minh đầy đủ theo từng hạng mục công việc trong hồ sơ thiết kế, bảo đảm tính logic, hợp lý, khả thi. Nội dung phải thể hiện rõ trình tự các bước thi công, phương án tổ chức nhân lực, bố trí thiết bị, huy động vật tư, biện pháp kiểm soát chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường; các đề xuất có căn cứ, gắn với điều kiện hiện trường tại địa điểm thi công và phù hợp với tiến độ thi công mà Nhà thầu đề xuất, trong đó bao gồm nhưng không giới hạn: - Về thiết bị phục vụ thi công: Nêu rõ số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật cơ bản cho từng loại thiết bị tương ứng với từng hạng mục thi công (số lượng và chủng loại thiết bị không giới hạn bởi yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu tại Bảng số 03 Mục 2.2 Chương này); phương án huy động và biểu đồ sử dụng cho từng hạng mục công việc theo tiến độ để chứng minh tính khả thi. - Về nhân lực thi công: Nêu rõ số lượng tương ứng với từng hạng mục thi công. - Về vật tư, vật liệu thi công: Nêu rõ tên, khối lượng dự kiến, đặc tính kỹ thuật chủ yếu cho từng hạng mục thi công chính; có phương án huy động, lưu trữ, vận chuyển vật tư phù hợp tiến độ và mặt bằng trên công trình. c) Bản vẽ và thuyết minh cho từng công việc cụ thể phải thể hiện sự phù hợp chặt chẽ với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của công trình: - Không sử dụng bản vẽ, thuyết minh điển hình hoặc mẫu không gắn với hồ sơ thiết kế; - Bản vẽ, thuyết minh phải thể hiện rõ vị trí thi công, quy mô công việc, đặc điểm kỹ thuật và điều kiện địa hình tại địa điểm thi công; - Thuyết minh phải trình bày rõ ràng từng bước, từng hạng mục thi công, có tham chiếu trực tiếp với bản vẽ tương ứng (nêu rõ mã hiệu bản vẽ) để thuận tiện kiểm chứng và đối chiếu.	
1. Về hình thức: - Có mục lục, đánh số, bố cục rõ nhưng chưa thể hiện đầy đủ sự tham chiếu giữa thuyết minh, bản vẽ; - Một số ký hiệu, thuật ngữ chưa thống nhất hoàn toàn.	0,7

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
2. Về nội dung: a) Giải pháp kỹ thuật cơ bản hợp lý, khả thi, tuân thủ thiết kế nhưng chưa chứng minh đầy đủ sự phù hợp với điều kiện hiện trường tại địa điểm thi công. b) Có bản vẽ và thuyết minh cho tất cả các hạng mục công việc trong hồ sơ thiết kế, nhưng còn một số hạn chế như: - Mô tả giải pháp thi công nhưng chưa chi tiết hoặc thiếu minh chứng cho một số công tác chính; - Về thiết bị phục vụ thi công: có liệt kê số lượng, chủng loại, thông số cơ bản nhưng thiếu biểu đồ huy động thiết bị thi công theo từng hạng mục công việc (số lượng và chủng loại thiết bị không giới hạn bởi yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu tại Bảng số 03 Mục 2.2 Chương này); - Về nhân lực thi công: có liệt kê số lượng nhưng chưa phân tách chi tiết theo từng hạng mục công việc. - Về vật tư, vật liệu thi công: có danh mục và khối lượng chính, nhưng chưa đầy đủ đặc tính kỹ thuật. c) Bản vẽ và thuyết minh đúng thiết kế nhưng chưa thể hiện rõ hết các điều kiện hiện trường; sự liên kết, tham chiếu giữa thuyết minh và bản vẽ còn thiếu rõ ràng.	
1. Về hình thức: - Có mục lục nhưng trình bày sơ sài, bố cục thiếu mạch lạc; - Đánh số thiếu thống nhất, nhiều nội dung không có tham chiếu trực tiếp giữa thuyết minh và bản vẽ; - Ký hiệu, thuật ngữ không đồng bộ gây khó khăn trong đối chiếu và kiểm tra 2. Về nội dung: a) Giải pháp kỹ thuật trình bày chung chung, mang tính hình thức, chưa chứng minh rõ tính khả thi theo điều kiện hiện trường thi công; vẫn bám đúng thiết kế nhưng thiếu phân tích chi tiết và minh chứng cụ thể. b) Có bản vẽ và thuyết minh cho đầy đủ các hạng mục công việc trong hồ sơ thiết kế, nhưng còn nhiều hạn chế: - Nội dung mô tả sơ lược, chưa làm rõ trình tự thi công hoặc không gắn với điều kiện hiện trường tại thi công; - Về thiết bị phục vụ thi công: chỉ liệt kê tên, số lượng chung theo yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu tại Bảng số 03 Mục 2.2 Chương này, thiếu thông số kỹ thuật của thiết bị; - Về nhân lực thi công: chỉ nêu tổng số, không phân bổ cụ thể cho từng hạng mục công việc;	0,5

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
- Về vật tư, vật liệu thi công: chỉ liệt kê một số loại chính, thiếu khối lượng, đặc tính kỹ thuật. c) Bản vẽ và thuyết minh nhiều chỗ thiếu thống nhất, không đầy đủ cho các địa điểm thi công; một số hạng mục sử dụng bản vẽ điển hình hoặc bản vẽ mẫu, không bám sát hồ sơ thiết kế, gây khó khăn khi kiểm tra tính phù hợp.	
Thuộc một trong các trường hợp sau: 1. Về hình thức: - Không có mục lục hoặc có nhưng thiếu hệ thống, không hỗ trợ tra cứu; - Bố cục hồ sơ rời rạc, không theo trình tự logic; - Ký hiệu, thuật ngữ không nhất quán, nhiều chỗ mâu thuẫn; không có danh mục bản vẽ. 2. Về nội dung: a) Không có hoặc chỉ trình bày sơ lược về giải pháp kỹ thuật, không chứng minh được tính hợp lý, khả thi; nội dung không gắn với thiết kế, điều kiện hiện trường thi công hoặc quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật. b) Không có bản vẽ, thuyết minh giải pháp kỹ thuật hoặc có nhưng: - Không trình bày đầy đủ các hạng mục công việc theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế; - Thể hiện không phù hợp với hồ sơ thiết kế như kích thước, cao độ, cấu tạo...sai lệch hoặc không có căn cứ; - Không nêu rõ được trình tự thi công; c) Bản vẽ (nếu có) không thống nhất với thuyết minh; nhiều hạng mục không có bản vẽ; sử dụng bản vẽ mẫu, sơ đồ điển hình, không liên quan đến công trình, không có giá trị để kiểm chứng.	0

2. Biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công

2.1. Tổ chức mặt bằng công trường

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: - Có thuyết minh và bản vẽ chi tiết cho từng giai đoạn thi công, thể hiện đầy đủ: hàng rào tạm, cổng ra vào, rào chắn, biển báo an toàn, khu vực văn phòng và nhà tạm điều hành, kho vật tư, bãi tập kết vật liệu rời, bãi tập kết thiết bị, tuyến giao thông	1,0

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
nội bộ, nhà vệ sinh; sơ đồ bố trí phù hợp với mặt bằng hiện trạng; - Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, thông tin liên lạc được trình bày bằng thuyết minh và bản vẽ biện pháp, thể hiện rõ điểm đầu nối, tuyến cấp/thoát, giải pháp an toàn và phương án dự phòng; - Có bản vẽ và thuyết minh phương án bố trí chỗ ở công nhân theo từng giai đoạn thi công, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và vệ sinh môi trường; - Tổng mặt bằng thể hiện sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật hiện hành, có logic tổ chức thi công, tính khả thi cao và thuận lợi cho việc triển khai thi công xây dựng công trình.	
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Có thuyết minh và bản vẽ tổng mặt bằng thi công nhưng chưa thể hiện đầy đủ các hạng mục phụ trợ (thiếu một số khu vực như kho vật tư, bãi tập kết, nhà vệ sinh, tuyến giao thông nội bộ...); - Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc tại từng địa điểm thi công có nhưng chưa thể hiện rõ điểm đầu nối hoặc thiếu bản vẽ minh họa cụ thể; - Phương án bố trí chỗ ở cho công nhân thi công có đề cập nhưng chỉ trình bày chung, chưa phân tách theo giai đoạn thi công hoặc thiếu minh chứng về tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường; - Tổng mặt bằng tại từng địa điểm thi công có nhưng chưa chứng minh được sự phù hợp hoàn toàn với hiện trạng công trường hoặc với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.	0,7
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Có thuyết minh hoặc bản vẽ tổng mặt bằng nhưng thiếu nhiều nội dung cơ bản như hàng rào tạm, kho vật tư, tuyến giao thông nội bộ, khu vệ sinh, khu văn phòng, bãi tập kết...; - Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc chỉ nêu sơ sài, không có bản vẽ minh họa, không thể hiện rõ giải pháp đầu nối; - Phương án bố trí chỗ ở công nhân chỉ nêu tên, không có bản vẽ hoặc thuyết minh tính toán cụ thể, không chứng minh điều kiện vệ sinh và an toàn lao động; - Tổng mặt bằng thể hiện sơ lược, không gắn với hiện trạng thực tế, tính khả thi thấp, khó áp dụng trong tổ chức thi công.	0,5

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Không có thuyết minh hoặc bản vẽ tổng mặt bằng công trường; - Không có giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc phục vụ thi công; - Không có nội dung bố trí chỗ ở công nhân; - Có thuyết minh, bản vẽ nhưng chỉ sao chép bản vẽ mẫu/điển hình, không gắn với hồ sơ thiết kế và hiện trạng công trình, không có giá trị sử dụng để đánh giá.	0

2.2. Kế hoạch huy động nhân lực, máy móc, thiết bị

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: - Có thuyết minh và biểu đồ minh họa kế hoạch huy động nhân lực, máy móc, thiết bị cho toàn bộ tiến độ thi công của gói thầu; - Nhân lực: Liệt kê rõ số lượng, phân bổ cụ thể theo từng hạng mục công việc và giai đoạn thi công; - Máy móc, thiết bị: Liệt kê số lượng, chủng loại, thông số cơ bản, có biểu đồ huy động và sử dụng theo tiến độ, kèm phương án dự phòng khi có sự cố (số lượng và chủng loại thiết bị không giới hạn bởi yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu tại Bảng số 03 Mục 2.2 Chương này); - Thể hiện rõ sự phù hợp với tiến độ tổng thể và tiến độ chi tiết, đảm bảo logic, tính khả thi và thuận lợi trong tổ chức thi công	1,0
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Có kế hoạch huy động nhân lực, máy móc, thiết bị nhưng thiếu một số nội dung quan trọng; - Nhân lực: Có nêu số lượng tổng thể và phân bổ theo giai đoạn nhưng chưa chi tiết cho từng hạng mục công việc; - Máy móc, thiết bị: Có danh sách, số lượng, chủng loại cơ bản nhưng chưa có biểu đồ huy động chi tiết theo tiến độ hoặc thiếu phương án dự phòng (số lượng và chủng loại thiết bị không giới hạn bởi yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu tại Bảng số 03 Mục 2.2 Chương này); - Thể hiện sự phù hợp với tiến độ ở mức tổng thể nhưng chưa gắn kết chặt chẽ với tiến độ chi tiết nên tính khả thi chưa được chứng minh đầy đủ	0,7
Thuộc một trong các trường hợp sau:	0,5

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
- Kế hoạch huy động nhân lực, máy móc, thiết bị được trình bày chung chung, mang tính hình thức; - Nhân lực: chỉ nêu tổng số nhân công, không phân bổ theo hạng mục công việc hoặc giai đoạn thi công; - Máy móc, thiết bị: chỉ liệt kê tên và số lượng chung theo yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu tại Bảng số 03 Mục 2.2 Chương này, không có biểu đồ huy động; - Nội dung chưa thể hiện sự gắn kết với tiến độ thi công, tính khả thi thấp, khó kiểm chứng	
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Không có kế hoạch huy động nhân lực, máy móc, thiết bị; - Có nhưng chỉ sao chép nội dung điển hình, không gắn với tiến độ và đặc thù của công trình; - Không có thuyết minh, biểu đồ hoặc bản vẽ minh họa kèm theo.	0

2.3. Biện pháp tổ chức thi công theo giai đoạn thi công

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: - Có thuyết minh và bản vẽ minh họa chi tiết, thể hiện rõ việc chia các giai đoạn thi công; - Trình bày đầy đủ trình tự, logic tổ chức thi công, phương án phân luồng giao thông nội bộ, rào chắn, bảo vệ khu vực theo từng giai đoạn thi công; - Thể hiện rõ biện pháp chuyển tiếp giữa các giai đoạn, thi công để đảm bảo không gián đoạn tiến độ; - Có sự gắn kết chặt chẽ với tiến độ thi công tổng thể và tiến độ chi tiết, bảo đảm tính khả thi, phù hợp điều kiện hiện trường và hồ sơ thiết kế; - Biện pháp được xây dựng phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định pháp luật hiện hành.	1,0
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Có thuyết minh và bản vẽ thể hiện việc chia giai đoạn thi công nhưng còn sơ lược; - Trình tự thi công cơ bản hợp lý nhưng chưa thể hiện rõ ràng phương án phối hợp giữa các giai đoạn thi công; - Nội dung có gắn kết với tiến độ thi công nhưng chỉ ở mức tổng thể, chưa thể hiện cụ thể theo tiến độ chi tiết.	0,7
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Thuyết minh hoặc bản vẽ có đề cập việc chia giai đoạn thi công nhưng mang tính hình thức, không có chi tiết cụ thể;	0,5

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
- Trình tự thi công trình bày chung chung, chưa rõ sự phối hợp giữa các giai đoạn; - Không nêu rõ phương án chuyển tiếp hoặc giải pháp hạn chế xung đột khi chuyển giai đoạn thi công; - Nội dung chưa thể hiện sự gắn kết với tiến độ thi công, tính khả thi thấp.	
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Không có thuyết minh hoặc bản vẽ về biện pháp tổ chức thi công theo giai đoạn thi công; - Có nhưng chỉ sao chép sơ đồ/mẫu điển hình, không gắn với đặc thù công trình và tiến độ thi công; - Không có thông tin thể hiện sự gắn kết với tiến độ hoặc điều kiện hiện trường thi công.	0

3. Cách thức quản lý dự án

3.1. Tổ chức quản lý dự án

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: - Có sơ đồ tổ chức quản lý dự án rõ ràng, thể hiện mối quan hệ giữa các bộ phận từ công ty → hiện trường; - Có phân công chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của từng bộ phận/cá nhân; - Có quy trình quản lý dự án bao gồm: quản lý tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn, môi trường, rủi ro; - Có cơ chế báo cáo, kiểm soát nội bộ chặt chẽ, khoa học, khả thi; - Nội dung trình bày đầy đủ, chi tiết, rõ ràng, hợp lý, khả thi.	1,0
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Có sơ đồ tổ chức quản lý dự án nhưng chưa thể hiện rõ mối quan hệ giữa các cấp/bộ phận; - Có phân công nhiệm vụ nhưng chưa đầy đủ hoặc trách nhiệm chưa minh bạch; - Có quy trình quản lý dự án nhưng chưa bao quát toàn diện như chỉ mới tập trung vào tiến độ, chất lượng, chưa đề cập đến chi phí, rủi ro...); - Có cơ chế báo cáo nhưng chưa chặt chẽ hoặc còn chung chung; - Nội dung trình bày tương đối đầy đủ và hợp lý, nhưng chưa chứng minh được tính khả thi cao.	0,7
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Sơ đồ tổ chức quản lý dự án thiếu nhiều bộ phận hoặc mối quan hệ không rõ ràng;	0,5

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
- Phân công chức năng, nhiệm vụ còn mang tính hình thức, thiếu chi tiết; - Quy trình quản lý dự án chỉ nêu chung chung, không có hướng dẫn cụ thể; - Không thể hiện cơ chế báo cáo, kiểm soát nội bộ rõ ràng; - Nội dung trình bày sơ sài, khó chứng minh tính khả thi.	
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Không có sơ đồ tổ chức quản lý dự án; - Hoặc có nhưng chỉ sao chép sơ đồ/biểu mẫu chung, không gắn với gói thầu; - Không có phân công nhiệm vụ, không có quy trình quản lý dự án; - Nội dung trình bày không phù hợp với yêu cầu của HSMT.	0

3.2. Tổ chức quản lý hiện trường

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: - Có sơ đồ tổ chức Ban chỉ huy công trường chi tiết, rõ ràng; - Có phân công chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho từng vị trí (Chỉ huy trưởng, cán bộ kỹ thuật phụ trách thi công...); - Có quy trình điều hành, phối hợp hiện trường giữa các bộ phận (thi công – an toàn – chất lượng – vật tư – thiết bị – môi trường); - Có cơ chế kiểm soát tiến độ, chất lượng, an toàn, môi trường tại hiện trường thi công; - Có kế hoạch phối hợp với Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát.	1,0
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Có sơ đồ tổ chức Ban chỉ huy công trường nhưng chưa đầy đủ vị trí chức năng; - Có phân công nhiệm vụ nhưng chưa rõ ràng hoặc còn chồng chéo; - Có quy trình điều hành hiện trường nhưng chưa chi tiết trong phối hợp các bộ phận; - Có cơ chế kiểm soát an toàn/môi trường nhưng chưa cụ thể.	0,7
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Tổ chức quản lý hiện trường trình bày sơ sài, mang tính hình thức, không thể hiện cho từng địa điểm thi công; - Sơ đồ tổ chức thiếu nhiều vị trí quan trọng, quan hệ điều hành không rõ ràng; - Không có quy trình điều hành hoặc cơ chế kiểm soát chất lượng/tiến độ/an toàn rõ ràng.	0,5
Mức 0% Thuộc một trong các trường hợp sau:	0

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
- Không có sơ đồ tổ chức quản lý hiện trường; - Hoặc có nhưng chỉ sao chép sơ đồ mẫu, không gắn với gói thầu; - Không thể hiện phân công nhiệm vụ và cơ chế điều hành hiện trường; - Nội dung trình bày không phù hợp với yêu cầu của HSMT.	

4. Tiến độ thực hiện gói thầu

4.1. Nội dung của hồ sơ về tiến độ thực hiện gói thầu

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: - Thể hiện đầy đủ các hạng mục công việc theo giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công mà Nhà thầu đã đề xuất; - Trong mỗi hạng mục có liệt kê chi tiết từng công việc, kèm thời gian khởi công và hoàn thành; - Có thuyết minh và bảng tiến độ chi tiết (sơ đồ ngang hoặc bảng biểu) thể hiện rõ: + Các mốc thời gian các hạng mục công việc của gói thầu; + Thời điểm và kế hoạch cung cấp, vận chuyển, giao nhận hàng hóa gắn với từng giai đoạn thi công; + Biểu đồ huy động nhân lực; máy móc thiết bị phục vụ thi công như đã đề xuất trong giải pháp và biện pháp tổ chức thi công; vật tư, vật liệu chính đưa vào sử dụng cho công trình. - Thời gian thực hiện thể hiện theo ngày/tuần. Trường hợp tiến độ thể hiện theo tuần phải quy định rõ một tuần là bao nhiêu ngày, có bao gồm thứ Bảy, Chủ nhật hay không để đảm bảo tính minh bạch và kiểm chứng.	1,0
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Có thuyết minh và bảng tiến độ nhưng chưa đầy đủ, chi tiết cho tất cả các hạng mục công việc; - Một số công việc chưa thể hiện rõ thời gian khởi công – hoàn thành; - Kế hoạch cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị công trình; huy động nhân lực, máy móc thiết bị phục vụ thi công có nêu nhưng chưa cụ thể cho từng giai đoạn thi công; - Thời gian thực hiện có thể hiện theo ngày/tuần nhưng chưa quy định rõ cách tính tuần, gây khó khăn khi kiểm chứng.	0,7
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Tiến độ được trình bày sơ sài, mang tính hình thức; - Chỉ thể hiện một phần các hạng mục, thiếu nhiều công việc chính; - Không nêu rõ mốc thời gian khởi công, hoàn thành cho từng công việc;	0,5

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
- Kế hoạch cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị công trình; huy động nhân lực, máy móc thiết bị phục vụ thi công chỉ liệt kê chung, không gắn với giai đoạn thi công; - Không quy định đơn vị thời gian rõ ràng (ngày/tuần).	
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Không có hồ sơ tiến độ thực hiện gói thầu; - Có nhưng chỉ sao chép biểu mẫu tiến độ điển hình, không gắn với gói thầu; - Không có thuyết minh, bảng tiến độ hoặc mốc thời gian cụ thể. - Thiếu 01 trong các biểu đồ huy động nhân lực; máy móc thiết bị phục vụ thi công; vật tư, vật liệu, thiết bị chính đưa vào sử dụng cho công trình.	0

4.1. Tính hợp lý và khả thi của bảng tiến độ thực hiện gói thầu

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: - Bảng tiến độ được xây dựng logic, khoa học, thể hiện rõ mối quan hệ giữa cung ứng và thi công, đảm bảo liên tục, không chồng chéo, không bỏ trống; - Tiến độ đã lập phù hợp với giải pháp kỹ thuật thi công, biện pháp tổ chức thi công đã trình bày, cũng như phù hợp các thiết bị thi công đã lựa chọn; - Thời gian bố trí cho từng công việc/hạng mục phù hợp với khối lượng, đặc điểm công việc và điều kiện thi công thực tế; - Tiến độ huy động nhân lực; máy móc thiết bị phục vụ thi công; cung ứng vật tư, vật liệu, hàng hóa, thiết bị đúng với giải pháp và biện pháp tổ chức thi công đã đề xuất, gắn chặt với nhu cầu sử dụng tại công trường, không để thiếu hụt hoặc tồn đọng quá mức; - Có phân tích rủi ro và biện pháp dự phòng cho trường hợp chậm cung ứng hoặc thi công.	1,0
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Bảng tiến độ thể hiện được tính logic tổng thể, có liên kết giữa cung ứng và thi công nhưng chưa đầy đủ chi tiết; - Một số công việc/hạng mục bố trí thời gian chưa cân đối với khối lượng hoặc điều kiện hiện trường; - Tiến độ có gắn với giải pháp kỹ thuật nhưng chưa thể hiện rõ sự phù hợp với toàn bộ biện pháp tổ chức thi công hoặc thiết bị đã lựa chọn; - Có kế hoạch huy động nhân lực; máy móc thiết bị phục vụ thi công; cung ứng vật tư, vật liệu, hàng hóa, thiết bị đúng với giải pháp và biện pháp tổ chức thi công đã đề xuất nhưng chưa	0,7

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
gắn chặt chẽ với từng giai đoạn thi công, dẫn đến nguy cơ thiếu hụt hoặc tồn kho cục bộ; - Có đề cập đến biện pháp dự phòng nhưng chung chung, chưa phân tích rủi ro cụ thể.	
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Bảng tiến độ trình bày mang tính hình thức, có nhưng thiếu logic, còn chồng chéo hoặc bỏ trống giữa các công việc; - Thời gian nhiều hạng mục không phù hợp với khối lượng, đặc điểm công việc hoặc điều kiện hiện trường, dẫn đến nguy cơ không khả thi; - Tiến độ huy động nhân lực; máy móc thiết bị phục vụ thi công; cung ứng vật tư, vật liệu, hàng hóa, thiết bị không đầy đủ nội dung như giải pháp và biện pháp tổ chức thi công đã đề xuất hoặc chỉ nêu sơ lược, không gắn với nhu cầu thi công thực tế; - Không thể hiện rõ sự gắn kết với giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công hoặc thiết bị đã lựa chọn; - Không có phân tích rủi ro và không nêu biện pháp dự phòng.	0,5
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Không có bảng tiến độ thực hiện gói thầu; - Có nhưng chỉ sao chép tiến độ mẫu/điển hình, không gắn với đặc thù gói thầu; - Bảng tiến độ thể hiện phi logic, hoàn toàn không khả thi như chồng chéo nhiều công việc chính, bố trí thời gian phi thực tế, không có liên kết giữa cung ứng và thi công; - Đề xuất tiến độ thực hiện gói thầu vượt quá thời hạn quy định trong E-HSMT. - Không có đầy đủ các biểu đồ huy động nhân lực; máy móc thiết bị phục vụ thi công; vật tư, vật liệu chính, thiết bị đưa vào sử dụng cho công trình.	0

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng

5.1. Hệ thống quản lý chất lượng

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: - Có thuyết minh chi tiết về biện pháp quản lý và kiểm soát chất lượng cho toàn bộ các giai đoạn: chuẩn bị, thi công, nghiệm thu; - Có sơ đồ tổ chức quản lý chất lượng tại công trường, phân công rõ trách nhiệm từng bộ phận/cá nhân; - Trình bày cụ thể quy trình kiểm tra, giám sát vật liệu, thiết bị, nhân lực và biện pháp thi công, kèm phương pháp thử nghiệm/kiểm định;	1,0

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
- Có kế hoạch thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, kết cấu với danh mục, tần suất và tiêu chuẩn áp dụng (TCVN, QCVN...); - Có biện pháp đảm bảo chất lượng trong các công việc che khuất, công việc quan trọng và các mốc nghiệm thu chính; - Có giải pháp phòng ngừa và khắc phục sai sót, khiếm khuyết trong quá trình thi công; - Có biểu mẫu, quy trình quản lý hồ sơ chất lượng (nhật ký thi công, biên bản nghiệm thu, hồ sơ hoàn công) đầy đủ, minh bạch.	
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Có thuyết minh và quy trình quản lý chất lượng nhưng chưa đầy đủ chi tiết cho tất cả các giai đoạn (chuẩn bị, thi công, nghiệm thu); - Có sơ đồ tổ chức nhưng chưa phân công rõ trách nhiệm từng bộ phận/cá nhân; - Có quy trình kiểm tra, giám sát nhưng chưa cụ thể về phương pháp thử nghiệm hoặc tiêu chuẩn áp dụng; - Có kế hoạch thí nghiệm nhưng thiếu một số danh mục hoặc tần suất kiểm tra; - Có đề cập đến biện pháp phòng ngừa/khắc phục nhưng còn sơ lược; - Hồ sơ quản lý chất lượng có nhưng thiếu một số biểu mẫu cần thiết.	0,7
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Biện pháp quản lý chất lượng trình bày sơ sài, chung chung, mang tính hình thức; - Không có sơ đồ tổ chức quản lý chất lượng, hoặc có nhưng thiếu rõ ràng; - Quy trình kiểm tra, giám sát chưa có dẫn chiếu tiêu chuẩn, không nêu tần suất cụ thể; - Kế hoạch thí nghiệm không đầy đủ, chỉ nêu chung chung, không gắn với tiêu chuẩn cụ thể; - Không có biện pháp phòng ngừa sai sót, chỉ nêu hình thức nghiệm thu; - Hồ sơ quản lý chất lượng đề cập rất hạn chế, không chứng minh được tính khả thi.	0,5
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Không có thuyết minh về biện pháp quản lý và kiểm soát chất lượng; - Có nhưng chỉ sao chép mẫu chung, không gắn với gói thầu; - Không có sơ đồ tổ chức, không có quy trình kiểm tra, giám sát; - Không có kế hoạch thí nghiệm và biện pháp phòng ngừa sai sót;	0

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
- Nội dung trình bày hoàn toàn không phù hợp với yêu cầu của HSMT và quy định pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.	

5.2. Biện pháp đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau: - Có biện pháp kiểm soát chất lượng chi tiết cho từng công việc, hạng mục, giai đoạn thi công; - Trình bày rõ biện pháp kiểm soát chất lượng đối với công việc che khuất, hạng mục quan trọng, các mốc nghiệm thu chính; - Có kế hoạch và biện pháp đảm bảo chất lượng khi thay đổi điều kiện thi công (địa chất, thời tiết, mặt bằng, giao thông...); - Có giải pháp phòng ngừa, khắc phục sai sót, khiếm khuyết, đảm bảo công trình được nghiệm thu đạt yêu cầu; - Có biện pháp phối hợp với tư vấn giám sát, Chủ đầu tư trong công tác kiểm tra – nghiệm thu; - Nội dung trình bày đầy đủ, chi tiết, rõ ràng, hợp lý và khả thi.	1,0
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Có biện pháp kiểm soát chất lượng trong thi công nhưng chưa đầy đủ chi tiết cho tất cả hạng mục; - Có đề cập biện pháp cho công việc che khuất/hạng mục quan trọng nhưng chưa nêu cụ thể quy trình nghiệm thu; - Biện pháp ứng phó khi điều kiện thi công thay đổi còn chung chung; - Có giải pháp phòng ngừa sai sót nhưng thiếu phân tích cụ thể; - Có đề cập phối hợp với tư vấn giám sát, Chủ đầu tư nhưng chưa thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm.	0,7
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Biện pháp đảm bảo chất lượng trình bày sơ sài, chung chung, mang tính hình thức; - Không có biện pháp rõ ràng cho công việc che khuất hoặc hạng mục quan trọng; - Không đề cập biện pháp ứng phó khi điều kiện thi công thay đổi (địa chất, thời tiết, mặt bằng...); - Không nêu giải pháp phòng ngừa sai sót, chỉ đề cập chung đến nghiệm thu; - Không thể hiện sự phối hợp cụ thể với tư vấn giám sát, chủ đầu tư trong công tác quản lý chất lượng.	0,5
Thuộc một trong các trường hợp sau: - Không có thuyết minh về biện pháp đảm bảo chất lượng trong thi công;	0

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
- Có nhưng chỉ sao chép mẫu chung, không gắn với gói thầu; - Không có biện pháp cho công việc che khuất, không có kế hoạch kiểm soát chất lượng; - Nội dung trình bày không phù hợp với yêu cầu HSMT và quy định về quản lý chất lượng thi công công trình.	

6. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động

Mức độ đáp ứng	Hệ số đánh giá
Trình bày đầy đủ, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. Có phân tích chi tiết, rõ ràng tất cả các nội dung theo yêu cầu. Biện pháp thực hiện hợp lý, khả thi theo đặc điểm hiện trạng của công trình và giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công, tiến độ thi công nhà thầu đã đề xuất	1,0
Trình bày đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên còn một số nội dung chưa được phân tích chi tiết, rõ ràng. Biện pháp thực hiện tương đối hợp lý, nhưng chưa chứng minh được tính khả thi cao so với đặc điểm hiện trạng của công trình.	0,7
Trình bày sơ sài, thiếu nội dung theo yêu cầu, không thể hiện cụ thể việc đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. Giải pháp mang tính chất khuôn mẫu không có sự liên kết với giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công, tiến độ thi công nhà thầu đã đề xuất, không có cụ thể so với đặc điểm hiện trạng của công trình.	0,5
Không trình bày hoặc nội dung trình bày không phù hợp, không tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. Giải pháp không khả thi, không phù hợp với giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công, tiến độ thi công nhà thầu đã đề xuất cũng như đặc điểm hiện trạng của công trình.	0